TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **556**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/5/2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ

2. Ông Lê Văn Khanh

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Hồ Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1306/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê T T, sinh năm 19yy; Nơi ĐKHKTT: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh T; Tạm trú: số tt đường B, phường L, quận B1, Thành phố H (bà Lê T T có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Lê Q T, sinh năm 19yy; Nơi ĐKHKTT: khu phố A, phường B1, thành phố P, tỉnh N; Tạm trú: số tt đường B, phường L, quận B1, Thành phố H (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Lê T T cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Lê T T và ông Lê Q T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày xx/yy/20zz tại Ủy ban nhân dân xã Hữu Đạo, huyện C, tỉnh T và được cấp Giấy chứng nhận kết kết hôn số tt, quyển số ii/20zz.

Sau khi kết hôn hai bên chung sống bình thường, đến năm 20zz thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Lê Q T không quan tâm đến gia đình, có những sở thích riêng, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình do một mình bà Lê T T chịu trách nhiệm. Mặt khác, chi phí sinh hoạt trong gia đình chỉ do bà T chi trả mà ông Thắng không có sự đóng góp cũng như chăm lo cho con cái, ông Thắng còn lấy tiền của bà Lê T T để chi tiêu riêng cho bản thân. Nay bà Lê T T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên làm đơn khởi kiện với yêu cầu cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà Lê T T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Q T.

- *Về con chung:* bà Lê T T và ông Lê Q T có 01 (một) con chung tên Lê Q B A, sinh ngày xx/yy/20zz. Bà Lê T T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ An.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* bà Lê T T tự thỏa thuận với ông Lê Q T về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* bà Lê T T tự khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê T T có đơn xin giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án.

Bị đơn là ông Lê Q T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, như: Thụ lý và giải quyết vụ kiện đúng thẩm quyền; Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn quy định.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:* Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- *Về nội dung:* Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê T T và ông Lê Q T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống cùng nhau hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên không quan tâm, chăm sóc cho nhau chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc bà Lê T T yêu cầu được ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: bà Lê T T và ông Lê Q T có 01 (một) con chung tên Lê Q B A, sinh ngày xx/yy/20zz; bà Lê T T có yêu cầu được trực tiếp nuôi con và tự thỏa thuận việc cấp dưỡng với ông Lê Q T; ông Lê Q T không có ý kiến nên yêu cầu của bà Lê T T là có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: do bà Lê T T không yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Lê T T tự khai không có, ông Lê Q T không có ý kiến nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét đơn xin ly hôn của bà Lê T T, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn"; bị đơn là ông Lê Q T có nơi cư trú tại số tt đường B, phường L, quận B, Thành phố H. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà Lê T T có đơn xin vắng mặt; ông Lê Q T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê T T, ông Lê Q T.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của bà Lê T T, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà Lê T T và ông Lê Q T đã có mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do hai bên trong quá trình chung sống phải tạo dựng hạnh phúc, phải biết thương yêu, chăm sóc, tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, phải chung thủy và cùng nhau nuôi dạy con cái, cùng làm kinh tế gia đình để ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, hai ông bà không thực hiện những điều cơ bản đó mà không tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn về cách sống, không có tiếng

nói chung, không cùng làm kinh tế gia đình. Ngoài ra, từ khi thụ lý đơn xin ly hôn của bà Lê T T cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để ông Lê Q T thực hiện các quyền, nghĩa vụ của bị đơn cũng như đã mở phiên hòa giải để tạo cơ hội cho bà Lê T T, ông Lê Q T giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng ông Lê Q T vắng mặt, điều đó thể hiện ông Lê Q T không có thiện chí hòa giải, hàn gắn quan hệ hôn nhân. Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp thuận yêu cầu ly hôn của đương sự.

[3.2] Về con chung: bà Lê T T và ông Lê Q T có 01 (một) con chung tên Lê Q B A, sinh ngày xx/yy/20zz. Bà Lê T T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con với ông Lê Q T, không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Tuy nhiên, trẻ A đã và đang chung sống với bà T, do đó không nên làm xáo trộn cuộc sống của trẻ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao trẻ Lê Q B A cho bà Lê T T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: do bà Lê T T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: bà Lê T T tự khai không có và không yêu cầu Toà án giải quyết; ông Lê Q T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: bà Lê T T chịu 300,000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và quy định pháp luật nên thống nhất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 119 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Lê T T đối với ông Lê Q T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà Lê T T được ly hôn ông Lê Q T (Giấy chứng nhận kết kết hôn số tt, quyển số ii/20zz, đăng ký ngày xx/yy/20zz tại Ủy ban nhân dân xã Hữu Đạo, huyện C, tỉnh T cấp cho bà Lê T T và ông Lê Q T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

- *Về con chung:* giao trẻ Lê Q B A, sinh ngày xx/yy/20zz cho bà Lê T T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* bà Lê T T không yêu cầu, ông Lê Q T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xét.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, cha mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* bà Lê T T tự khai không có, ông Lê Q T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí: bà Lê T T chịu 300,000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026911, ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố H. Bà Lê T T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Tân;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

Nguyễn Thị Hồng Liên